TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 337/2023/DS-PT
Ngày: 06/7/2023
V/v: Tranh chấp chia thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Ông Nguyễn Xuân Điền;

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Nhạn - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Trần Đức Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 46/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" do có kháng cáo của các đồng nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2022/DS-ST, ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7284/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:***

1. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1932; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1937; vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1942; vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang.

4. Bà Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm 1944; địa chỉ: Số nhà 42, tổ 41, phường Gia C, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

** Người đại diện theo ủy quyền của bà K, bà C, bà T, bà C1:*

1. Anh Trịnh Quang L, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. Công ty Luật TNHH MTV Thành L - Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 123 đường Nguyễn Gia T, khu 3, phường Suối H, thành phố Bắc N, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

**** Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1949; nơi cư trú: Thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Trịnh Quang L, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1935; nơi cư trú: Tổ dân phố số 6, phường Trần Nguyên H, thành phố Bắc G, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1: Anh Trịnh Quang L, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

3. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; vắng mặt.

4. Ông Trịnh Quang S, sinh năm 1934; vắng mặt.

5. Anh Trịnh Quang Đ, sinh năm 1971; vắng mặt.

6. Chị Lê Thị G, sinh năm 1976; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị N, ông S, Anh Đ, chị G: Anh Trịnh Quang L, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

7. Anh Trần Quốc T2, sinh năm 1973; có mặt.

8. Anh Trần Quốc D1, sinh năm 1977; có mặt.

Cùng nơi cư trú: Thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang.

9. Ủy ban nhân dân huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Ngọc Đ1 - Trưởng Phòng Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2018 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Kim C1 ủy quyền cho anh Trịnh Quang L trình bày:

Bố, mẹ các bà là cụ Nguyễn Bá T3 và cụ Trịnh Thị S1 có 06 người con đẻ gồm: Bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị C1 và bà Nguyễn Thị D. Cụ T3 và cụ S1 có tài sản chung gồm quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35, diện tích 193,8m^2 và tài sản trên đất gồm: Nhà 04 gian diện tích 54,96 m^2 ở thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang. Năm 1972 cụ Nguyễn Bá T3 chết không để lại di chúc.

Năm 1984, được sự đồng ý của cụ Trịnh Thị S1, vợ chồng bà Nguyễn Thị K và ông Trịnh Quang S xây căn nhà cấp bốn diện tích khoảng 44m^2 (tính cả phần văng). Ngôi nhà này vợ chồng bà K, ông S cho vợ chồng anh Trịnh Quang L và chị Nguyễn Thị N sử dụng đến năm 1994. Sau đó, vợ chồng anh Trịnh Quang Đ và chị Lê Thị G sử dụng ngôi nhà từ năm 1994 đến nay. Ngoài ra, trên thửa đất còn có một số tài sản khác nhưng các bà không đề nghị xem xét.

Ngày 31/3/1986, cụ S1 lập văn bản giao nhà đất ở cho 06 người con, văn bản này được Ủy ban nhân dân xã Vân H chứng thực ngày 03/4/1986, với nội dung: Giao ngôi nhà và công trình phụ cho 06 người con để làm nhà thờ cúng tổ tiên, tụ họp gia đình khi giỗ tết mà không cho riêng con nào. Cả 06 người con cùng có trách nhiệm giữ gìn, không ai được mua bán, đổi chác. Một phần mảnh đất đã cho người con lớn là bà Nguyễn Thị K và chồng là Trịnh Quang S làm 04 gian nhà về nguyên tắc cũng không được mua bán, đổi chác. Khi phải tu sửa ngôi nhà thì người con lớn phải tập hợp ý kiến của 06 chị em. Khi cần thiết khai báo theo yêu cầu của Nhà nước thì người con lớn (bà K) chịu trách nhiệm. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào không được bán mảnh đất này.

Ngày 15/01/1987, cụ S1 lập "Giấy sang tên đất và nhà; Đơn di chúc" với nội dung để lại 04 gian ngói cùng toàn bộ thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35, diện tích 193,8m^2 cho bà Nguyễn Thị D. Di chúc được Ủy ban nhân dân xã Vân H xác nhận ngày 20/01/1992.

Ngày 23/12/1991 Âm lịch (tức ngày 27/01/1992 dương lịch), cụ S1 chết.

Ngày 31/12/2014, Ủy ban nhân dân huyện Việt Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số BX 307738, số vào sổ cấp GCN CH 00291 đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang cho riêng bà Nguyễn Thị D.

Các đồng nguyên đơn cho rằng bản di chúc lập năm 1987 không hợp pháp vì các lý do sau: Phần tiêu đề ghi "Giấy sang tên đất và nhà ở" nhưng có bổ sung thêm dòng chữ "Đơn di chúc"; người viết di chúc và những người làm chứng đều là các con cháu trong nhà không thể hiện được tính khách quan. Di chúc lập năm 1987 nhưng đến năm 1992 mới được thôn, xã xác nhận. Sơ đồ vẽ trong di chúc và nội dung di chúc không đề cập đến căn nhà bà K, ông S xây năm 1984. Di chúc của cụ S1 định đoạt cả phần đất đã cho bà K và ông S xây nhà năm 1984.

Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 307738, số vào sổ cấp GCN CH 00291 đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang do Ủy ban nhân dân huyện Việt Y cấp ngày 31/12/2014 cho bà Nguyễn Thị D.

- Chia đều di sản do cụ S1 và cụ T3 để lại gồm: Quyền sử dụng đất của thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35, diện tích 193,8m^2 và tài sản trên đất gồm nhà 04 gian nhà diện tích 54,96m^2 ở thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang cho 06 người theo quy định của pháp luật. Cả 05 nguyên đơn thống nhất thỏa thuận đề nghị giao cho bà Nguyễn Thị K được hưởng cả phần thừa kế tài sản của bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị C1. Đề nghị giao phần đất được chia có ngôi nhà của vợ chồng bà K, ông S cho bà K được quyền sử dụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của nguyên đơn rút yêu cầu hủy GCNQSDĐ số BX 307738, số vào sổ cấp GCN CH 00291 đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang do Ủy ban nhân dân huyện Việt Y cấp ngày 31/12/2014 cho bà Nguyễn Thị D.

Nguyên đơn không yêu cầu trích chia công sức và xem xét các tài sản khác trên đất.

**** Bị đơn là bà Nguyễn Thị D trình bày:***

Bố mẹ bà là cụ Nguyễn Bá T3 và cụ Trịnh Thị S1 sinh được 06 người con và có thửa đất diện tích 193,8m^2 và căn nhà cấp bốn diện tích khoảng hơn 50m^2 tại thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang như các nguyên đơn trình bày là đúng.

Năm 1984, cụ S1 cho vợ chồng bà K, ông S xây nhà cho vợ chồng anh L, chị N ở nhờ chứ không cho đất. Bà không biết việc cụ S1 viết văn bản giao nhà đất ở cho các con vào ngày 31/3/1986.

Năm 1987, cụ S1 đã viết di chúc để lại cho bà được hưởng toàn bộ di sản gồm 05 gian nhà diện tích 54,96m^2 và 193,8m^2 đất trên thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang. Thời điểm cụ S1 làm di chúc, sức khỏe tốt, tinh thần tỉnh táo minh mẫn. Khi lập di chúc có bà Nguyễn Thị Y là người viết di chúc, ông Nguyễn Bá M, ông nguyễn Công T4 làm chứng, hiện ông T4 và ông M đã chết, chỉ còn bà Y hiện sinh sống ở Phù L, Đông N, Từ S, Bắc Ninh. Sau đó, cụ S1 nhiều lần đến Ủy ban nhân dân xã Vân H để xin xác nhận vào di chúc nhưng không được vì Ủy ban nhân dân xã cho rằng trước đó đã có bản di chúc năm 1986. Cụ S1 đã đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Y để đề nghị xem xét tính hợp pháp của bản di chúc năm 1987. Đến năm 1992, Ủy ban nhân dân xã Vân H đã xác nhận vào bản di chúc năm 1987 của cụ S1. Theo bà D, bản di chúc năm 1987 là hợp pháp, thời điểm đó cụ S1 có toàn quyền quyết định đối với tài sản của cụ S1 và cụ T3. Năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện Việt Y đã công nhận quyền sử dụng đất cho bà đối với thửa đất số 93. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Năm 1994, bà sửa lại căn nhà do cụ T3 và cụ S1 để lại nhưng không xác định được chi phí hết bao nhiêu tiền. Bà là người sửa lại căn bếp cũ để anh D1 (con trai bà) sử dụng. Nhà bếp ở đầu ngõ giáp nhà anh Đ, chị G đang sử dụng cũng do bà xây dựng. Gạch lát sân là của bà, cổng, tường bao do bà xây, anh L là người lát sân. Việc sửa nhà là trách nhiệm của người làm con, bà không yêu cầu trích chia công sức. Sân, cổng, tường bao giá trị không lớn nên bà không yêu cầu giải quyết.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Anh Trần Quốc D1 và anh Trần Quốc T2: Đều không có yêu cầu giải quyết gì liên quan đến quyền lợi của các anh.

- Chị Nguyễn Thị N, ông Trịnh Quang S, anh Trịnh Quang Đ, chị Lê Thị G do anh Trịnh Quang L đại diện tham gia tố tụng không có yêu cầu giải quyết liên quan đến quyền lợi của mình và đồng ý với yêu cầu của các nguyên đơn.

- Ủy ban nhân dân huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang do ông Lương Ngọc Đ1 (khi đó là Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện Việt Yên) đại diện theo ủy quyền trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang cho bà Nguyễn Thị D được thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật. UBND huyện Việt Y sẽ cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bên theo quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 04/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Việt Y đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chia cho bà Nguyễn Thị K được thừa kế quyền sử dụng đất là 69,2m^2 đất thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 ở thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang (trị giá 346.000.000 đồng ; bằng chữ: ba trăm bốn mươi sáu triệu đồng), có cạnh giáp ngõ dài 7,55m kéo sâu vào trong thửa đất dài 9,16m, có tứ cận: Cạnh AB dài 7,55m; cạnh BC dài 9,16m; cạnh CD dài 7,55m; cạnh DA dài 9,16m. Trên đất có căn nhà cấp bốn diện tích 39,39m^2 do bà Nguyễn Thị K và ông Trịnh Quang S xây năm 1984 và một phần căn bếp do bà Nguyễn Thị D xây năm 1997. Bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm trích trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 2.653.440 đồng (hai triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi đồng) giá trị ngôi bếp bà D xây năm 1997 nằm trên phần đất của bà K được chia.

Chia cho bà Nguyễn Thị K được hưởng thừa kế một phần quyền sở hữu nhà của cụ Nguyễn Bá T3 và cụ Trịnh Thị S1, được trích chia bằng tiền trị giá 12.342.500 đồng (mười hai triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Chia cho bà Nguyễn Thị D được thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 124,4m^2 còn lại của thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 ở thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang, (trị giá 622.000.000 đồng; bằng chữ: Sáu trăm hai mươi hai triệu đồng). Trên đất có căn nhà cấp bốn diện tích 54,96m^2 do cụ Nguyễn Bá T3 và cụ Trịnh Thị S1 xây và 01 căn nhà (cải tạo từ căn bếp diện tích 13,76m^2 do bà D xây năm 2001).

Chia cho bà Nguyễn Thị D được hưởng thừa kế một phần quyền sở hữu căn nhà của cụ Nguyễn Bá T3 và cụ Trịnh Thị S1 trị giá 22.216.340 đồng (hai mươi hai triệu hai trăm mười sáu nghìn ba trăm bốn mươi đồng). Phần thừa kế quyền sở hữu nhà của bà D được nhận bằng hiện vật là căn nhà diện tích 54,96m^2. Bà Nguyễn Thị D phải trích chia cho bà Nguyễn Thị K số tiền chênh lệch từ việc bà D được nhận quyền sở hữu nhà bằng hiện vật là 12.342.500 đồng (mười hai triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 307738, số vào sổ cấp GCN CH 00291, cấp ngày 31/12/2014 đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang của Ủy ban nhân dân huyện Việt Y.

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Xác nhận nguyên đơn là bà Nguyễn Thị K đã nộp đủ số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Buộc bà Nguyễn Thị D phải trích trả bà Nguyễn Thị K một nửa số tiền thẩm định, định giá tài sản là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Sau khi đối trừ số tiền bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị K phải trả cho nhau thì bà Nguyễn Thị D còn phải trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền là 11.689.060 đồng (Mười một triệu, sáu trăm tám chín nghìn, không trăm sáu mươi đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, trách nhiệm do chậm thi hành án, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/7/2020, bà D và anh T2 làm đơn kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 06/2021/DS-PT ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định: Sửa án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 04/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Việt Y.

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thửa kế đối với quyền sử dụng thửa đất có diện tích 193,8m^2 và quyền sở hữu ngôi nhà cấp bốn trên đất có diện tích 54,96m^2 tại thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang.

- Giao cho bà D được quyền quản lý, sử dụng thửa đất có diện tích 193,8m^2; quyền sở hữu ngôi nhà cấp bốn trên đất có diện tích 54,96m^2 và ngôi

nhà cấp bốn xây năm 1984 có diện tích 39,39 m^2 tại thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang. Nhưng buộc bà D phải có trách nhiệm trả cho bà K (do anh L đại diện) trị giá ngôi nhà xây năm 1984 là 24.768.432 đồng.

- Giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BX 307738 và số vào sổ CH 00291 do UBND huyện Việt Y cấp ngày 31/12/2014 cho bà Nguyễn Thị D.

- Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 307738, số vào sổ CH 00291 của Ủy ban nhân dân huyện Việt Y cấp ngày 31/12/2014 đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang.

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 10/2022/DS-GĐT ngày 25/02/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định: Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 66/2021/KN-DS ngày 03/12/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 06/2021/DS-PT ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 04/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Việt Y, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 13/4/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã thụ lý lại vụ án số 13/2022/TLST-DS.

** Đồng nguyên đơn là bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim C1 ủy quyền cho anh Trịnh Quang L tham gia tố tụng trình bày:* Các nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu chia di sản do cụ S1 và cụ T3 để lại gồm: Quyền sử dụng đất của thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35, diện tích 193,8m^2 và tài sản trên đất gồm nhà 04 gian nhà diện tích 54,96 m^2 ở thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang cho 06 người con theo quy định của pháp luật. Cả bốn nguyên đơn thống nhất thỏa thuận đề nghị giao cho bà Nguyễn Thị K được hưởng cả phần thừa kế tài sản của bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim C1. Đề nghị giao phần đất được chia có ngôi nhà của vợ chồng bà K, ông S cho bà K được quyền sử dụng.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:* Toàn bộ thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35, diện tích 193,8m^2 và tài sản trên đất gồm nhà 04 gian nhà diện tích 54,96 m^2 ở thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang là của bà được mẹ bà cho và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không đồng ý với yêu cầu của các nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị Kim T1:* Không liên quan đến tranh chấp chia di sản thừa kế của cụ T3 và cụ S1.

Trường hợp chia di sản của cụ T3 và cụ S1 thì bà T1 từ chối nhận di sản thừa kế này. Tòa án đã có thông báo thay đổi địa vị tố tụng của bà T1.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- *Anh Trần Quốc D1 và anh Trần Quốc T2*: Đều không có yêu cầu giải quyết liên quan đến quyền lợi của các anh.

- *Anh Trịnh Quang S, chị Nguyễn Thị N, chị Lê Thị G, anh Trịnh Quang Đ do anh Trịnh Quang L đại diện tham gia tố tụng:* Đều không có yêu cầu giải quyết liên quan đến quyền lợi của mình và đồng ý với yêu cầu của các nguyên đơn.

** Tại Biên bản ghi lời khai ngày 4/8/2022, bà Nguyễn Thị Y là người làm chứng trình bày:* Bà là cháu dâu của cụ Trịnh Thị S1. Ngày 15/1/1987, cụ S1 có nhờ bà viết hộ "Đơn di chúc - Giấy sang tên đất và nhà ở". Thời điểm đó cụ S1 không biết chữ nên có nhờ bà sang nhà để viết hộ. Cụ S1 đọc toàn bộ nội dung di chúc cho bà viết, cụ đọc thế nào thì bà viết nguyên văn như vậy. Quá trình lập di chúc có 05 người gồm: cụ S1, bà Y, ông M, ông T4 và bà X. Nội dung di chúc thực chất là cụ S1 để cho bà D toàn bộ nhà và đất tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang. Bà D có toàn quyền quyết định, sử dụng vì bà D có công chăm sóc cụ S1, bà D không có chồng, các chị gái đều có nhà cửa ổn định. Cụ S1 đã được nghe đọc lại di chúc và đồng ý điểm chỉ vào di chúc dưới sự chứng kiến của bà Y, ông M, ông T4 và bà X.

* Các đương sự khác trong vụ án không có quan điểm nào khác và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 12/9/2022:

Ông Trịnh Quang L và Luật sư Vũ Văn X1 thống nhất trình bày: Nguyên đơn là bà K, bà C, bà T, bà C1 yêu cầu chia di sản của cụ T3 và cụ S1 là quyền sử dụng đất của thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35, diện tích 193,8m^2 ở thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang cho 06 người con theo quy định của pháp luật. Các nguyên đơn yêu cầu chia bằng hiện vật, không đồng ý nhận bằng tiền. Các nguyên đơn không yêu cầu chia di sản nào khác, xin rút yêu cầu chia thừa kế đối với nhà 04 gian trên đất.

Anh L với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông S, chị N, anh Đ, chị G) không có yêu cầu và ý kiến nào khác.

Bà Nguyễn Thị D và Luật sư Ong Thị T5 thống nhất trình bày: Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35, diện tích 193,8m^2 ở thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y,

tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Việt Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà, theo di chúc của cụ S1. Đây là tài sản của bà, không còn là di sản của cụ T3 và cụ S1 nên không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi Bản án phúc thẩm số 06/2021/DS-PT ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang có hiệu lực pháp luật, bà D đã nộp số tiền 24.768.432 đồng vào Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang để thi hành án. Bà D đề nghị giải quyết số tiền này theo quy định của pháp luật. Quá trình ở nhà, đất trên, bà có tôn tạo tu sửa nhà cửa nhưng bà không có yêu cầu về công sức đóng góp. Đối với diện tích đất phân chia như bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Việt Y, có phạm vào nhà bếp của bà, bà không đồng ý chia như vậy.

Anh L trình bày: Đề nghị Tòa án xem xét, thẩm định lại tài sản để phân chia bằng hiện vật cho phù hợp với thực tế các công trình tài sản trên đất.

Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu, chứng cứ.

Ngày 20/9/2022, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định và định giá tài sản tranh chấp, kết quả như sau:

Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang thuộc vị trí 2, khu vực 2, xã nhóm C; phía Tây và phía Đông giáp đường ngõ, phía Bắc giáp đất bà Trịnh Thị X2, phía Nam giáp đất hộ anh Nguyễn Công C2.

Căn cứ Quyết định số 72/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định bảng giá đất giai đoạn 2022-2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang: giá trị quyền sử dụng 01m^2 đất ở tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 là 810.000 đồng.

Giá chuyển nhượng thực tế tại địa phương vào thời điểm định giá là 7.000.000đồng/m^2 đất ở.

Trên đất có các tài sản sau:

01 nhà cấp 4 loại 2 xây dựng năm 1975, diện tích khoảng 54,96m^2 có giá trị 14.234.640 đồng.

01 nhà cấp 4 loại 2 xây dựng năm 2001, diện tích khoảng 13,76m^2 có giá trị sử dụng là 5.345.760 đồng.

01 nhà cấp 4 loại 2 xây dựng năm 1984, diện tích khoảng 39,38m^2 có giá trị sử dụng là 10.202.010 đồng.

Nhà bếp loại C xây dựng năm 1997, diện tích khoảng 12,8m^2 có giá trị sử dụng là 1.088.000 đồng.

Sân gạch chỉ xây năm 1984, diện tích 72,89m^2 có giá trị sử dụng là 947.570 đồng.

01 cổng sắt và 01 bán mái lợp tôn không còn giá trị sử dụng.

Ngoài ra, trên đất không còn tài sản nào khác.

* Tại các biên bản lấy lời khai ngày 20/9/2022 và ngày 22/9/2022 bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim C1 thống nhất trình bày: Do tuổi cao, bà xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bà ủy quyền cho anh L tham gia tố tụng tại Tòa án để trình bày nguồn gốc và quá trình sử dụng đất. Ngoài yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T3 và cụ S1 là thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang, các bà không yêu cầu chia tài sản nào khác; đề nghị chia thừa kế bằng hiện vật, giao chung bà C, bà T, bà C1, bà T1 một diện tích đất để cùng sử dụng chung. Các bà không đồng ý cho bà K hay bà D kỷ phần thừa kế được hưởng. Việc đồng ý hay kháng cáo bản án phải do các bà tự quyết định, không ủy quyền cho anh L.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/9/2022, bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Trước đây bà từ chối nhận kỷ phần thừa kế của cụ T3 và cụ S1. Nay bà xin thay đổi lời khai, nếu chia di sản của cụ T3 và cụ S1, bà yêu cầu được chia bằng hiện vật, không đồng ý cho bà K hay bà D kỷ phần thừa kế được hưởng. Bà đề nghị Tòa án giao cho bà cùng bà T, bà C, bà C1 một diện tích đất theo kỷ phần được hưởng để các bà sử dụng chung.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm (L2) số 30/2022/DSST ngày 27/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim C1.

2. Xác định quyền sử dụng 96,9m^2 đất tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 ở thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang, trị giá 678.300.000 đồng là di sản của cụ Nguyễn Bá T3. Bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Kim C1 mỗi người được nhận một kỷ phần thừa kế của cụ Nguyễn Bá T3 là 13,84m^2 tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 ở thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang, trị giá 96.880.000 đồng.

3. Giao cho bà Nguyễn Thị K được quyền sử dụng 41,5m^2 đất thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 ở thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang, trị giá trị giá 290.500.000 đồng. Diện tích đất là hình đa giác có các điểm 3-4-5-6-16-15-14; cạnh phía Bắc giáp với đất hộ gia đình bà Trịnh Thị X2, cạnh phía Đông giáp với đường ngõ, cạnh phía Nam và cạnh phía Tây giáp với phần đất còn lại của thửa đất 93, tờ bản đồ số 35 (có sơ đồ kèm theo bản án). Bà Nguyễn Thị K và và ông Trịnh Quang S được sở hữu ngôi nhà cấp 4 xây trên diện tích 41,5m^2 đất nói trên.

Buộc bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trích chia chênh lệch về tài sản cho bà Nguyễn Thị T là 96.880.000 đồng; có nghĩa vụ chia chênh lệch về tài sản cho bà Nguyễn Thị C là 96.880.000 đồng.

4. Giao cho bà Nguyễn Thị D được sử dụng đất diện tích 152,3m^2 của thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 ở thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang, trị giá 1.066.100.000 đồng. Diện tích đất là hình đa giác có các điểm 1-2-3-14-15-16-6-7-8-9-10-11- 12; có tứ cận tiếp giáp như sau: Cạnh phía Bắc giáp với đất hộ bà Trịnh Thị X2 và phần đất 41,5m^2 giao cho bà Nguyễn Thị K; cạnh phía Nam giáp với đất hộ anh Nguyễn Công C2, cạnh phía Tây giáp với đường ngõ, cạnh phía Đông giáp với phần đất giao cho bà Nguyễn Thị K và đường ngõ (theo sơ đồ kèm theo bản án).

Bà Nguyễn Thị D được sở hữu toàn bộ công trình trên 152,3m^2 đất nói trên, gồm 01 nhà cấp 4 diện tích 56,1m^2, 01 nhà cấp 4 diện tích 13,7m^2, 01 sân lát gạch diện tích 69,6m^2, 01 nhà bếp diện tích 12,8m^2, 01 cổng sắt, 01 bán mái lợp proximăng.

Bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trích chia chênh lệch về tài sản cho bà Nguyễn Thị Kim C1 là 96.880.000 đồng; có nghĩa vụ trích chia chênh lệch về tài sản cho bà Nguyễn Thị T1 là 96.880.000 đồng.

5. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Kim C1 về việc chia di sản thừa kế là ngôi nhà 04 gian ở thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/10/2022, các đồng nguyên đơn là các bà Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Kim C1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, chia thừa kế theo pháp luật và nhận chung kỷ phần thừa kế bằng hiện vật để cho bà K đứng tên quyền sử dụng đất để làm nơi thờ cúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Kim C1 và người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn khác giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chia thừa kế bằng hiện vật và gộp chung kỷ phần thừa kế của các nguyên đơn được hưởng để giao cho bà K đại diện đứng tên sử dụng làm nơi thờ cúng.

Bà Nguyễn Thị D và các con là anh Trần Quốc T2, Trần Quốc D1 đồng ý giao cho các nguyên đơn được nhận thừa kế bằng hiện vật phần diện tích 13,76m^2 trên đất có 01 nhà cấp bốn loại 2 xây dựng năm 2001 trị giá 5.345.710 đồng ngoài diện tích 41,5m^2 đất Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho bà K. Các quyết định khác đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, trình bày của các bên đương sự đã kết luận: Các nguyên đơn là bà K, bà C, bà T và bà C1 kháng cáo đề nghị nhận thừa kế chung bằng hiện vật và giao cho bà K đứng tên quyền sử dụng đất là phù hợp, tạo điều kiện cho các nguyên đơn có nơi thờ cúng chung, tránh mâu thuẫn với bà D nên cần ghi nhận sự tự nguyện của bà C, bà T, bà C1 nhập chung kỷ phần thừa kế các bà được hưởng giao cho bà K đại diện quản lý, sử dụng, không buộc bà K phải thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho bà C, bà T và bà C1. Đối với bà T1, sau khi xét xử sơ thẩm không có kháng cáo nên buộc bà D phải thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho bà T1 như quyết định của Tòa án sơ thẩm. Đối với yêu cầu chia thừa kế là ngôi nhà bốn gian trên thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà D: Quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn đã rút các yêu cầu này, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp mang tên bà D là thiếu sót. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn yêu cầu nhận thừa kế chung bằng hiện vật, giao cho bà K đại diện quản lý, sử dụng; giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận của các bên đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các đồng nguyên đơn là các bà Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Kim C1 đảm bảo thời hạn, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về người tham gia phiên tòa: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là Công ty Luật TNHH MTV Thành L - Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo là UBND huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang đã được triệu tập hợp lệ 02 lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Các đương sự có mặt tham gia phiên tòa và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đều đề nghị xét xử.

Hội đồng xét xử thảo luận thấy đây là phiên tòa mở lần thứ hai, đương sự vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ và sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên quyết định tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Cụ Nguyễn Quang T3 (chết năm 1972) và cụ Trịnh Thị S1 (chết ngày 23/12/1991) có 06 người con chung là các bà: Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T; bà Nguyễn Thị Kim C1 và bà Nguyễn Thị D. Hai cụ chết không để lại di chúc và không có con nuôi, con riêng hay con ngoài giá thú nào khác. Tài sản của hai cụ để lại là thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35, diện tích 193,8m^2 đất tại thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang và 05 gian nhà gỗ trên đất.

[2.2] Căn cứ lời khai của các đương sự thể hiện diện tích ban đầu của thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 có diện tích là 275m^2 và 05 gian nhà gỗ trên đất. Sau khi cụ T3 chết, cụ S1 đã bán đã bán ngôi nhà gỗ và chuyển nhượng 81m^2 đất thuộc một phần thửa đất nêu trên cho ông Nguyễn Văn T4 để xây dựng ngôi nhà ngói 04 gian tại vị trí nhà cũ nên diện tích đất còn lại là 193,8m^2. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận biết cụ S1 bán đất và không có ý kiến đối với diện tích đất cụ S1 đã bán, chỉ yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích còn lại là 193,8m^2. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích 193,8m^2 đất thuộc thửa số 93, tờ bản đồ số 35 là tài sản chung của vợ chồng cụ Nguyễn Bá T3 và cụ Trịnh Thị S1 là có căn cứ.

[2.3] Khi giải quyết phân chia thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế, thời hiệu khởi kiện, phân chia tài sản chung của hai cụ trên cơ sở thời điểm mở thừa kế, từ đó xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Bá T3 là quyền sử dụng ½ thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 có diện tích là 96,9m^2 đất trị giá 678.300.000 đồng (96,9m^2 x 7.000.000 đồng/m^2); ý kiến của bà D không yêu cầu trích công sức quản lý, tôn tạo và chăm sóc bố mẹ để chia di sản thừa kế của cụ T3 theo pháp luật cho các thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất là cụ S1 và 06 người con là bà K, bà C, bà T, bà C1, bà T1 và bà D; mỗi người được nhận kỷ phần thừa kế là 13,84m^2; trị giá 96.880.000đồng là có căn cứ.

[2.4] Cụ S1 được quyền sử dụng ½ thửa đất và được hưởng 01 kỷ phần thừa kế của cụ T3 nên di sản thừa kế của cụ S1 là: 13,84m^2+ 96,9m^2 = 110,74m^2, trị giá 775.180.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, các đồng nguyên đơn là bà K (do anh L đại diện theo ủy quyền), bà T, bà C, bà T1 và bà C1 đều yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ S1 theo pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn là bà D cho rằng cụ S1 đã để lại toàn bộ di sản của cụ S1 tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 cho bà theo Giấy sang tên đất và nhà ở ngày 15/01/1987. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của Giấy sang tên đất và nhà ở ngày 15/01/1987 của cụ S1. Trên cơ sở lời khai của bà Nguyễn Thị Y (là người viết hộ văn bản nêu trên cho cụ S1) thể hiện nội dung văn bản trên được ghi theo lời đọc của cụ S1; thể hiện đúng nguyện vọng, ý chí của cụ S1 là muốn để lại cho bà D toàn bộ nhà đất tại thửa 93, tờ bản đồ số 35 vì bà D không có chồng và là người trực tiếp chăm sóc cụ S1. Thời

điểm đó cụ S1 hoàn toàn khỏe mạnh, tỉnh táo, minh mẫn. Cụ S1 đã được nghe đọc lại, điểm chỉ đồng ý xác nhận di chúc dưới sự chứng kiến của 03 người làm chứng. Sau khi lập di chúc, cụ S1 đã nhiều lần đề nghị UBND xã Vân H1 chứng thực vào bản di chúc, nhưng UBND xã Vân H1 không chứng thực nên cụ S1 đã có đơn gửi đến nhiều cơ quan, ban ngành và Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Y1, tỉnh Bắc Giang. Tại Văn bản số 01 ngày 3/4/1987 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang chuyển đơn của cụ S1 cho UBND xã Vân H có nội dung: "*Bà Trịnh Thị S1, 81 tuổi khiếu tố về việc bà S1 viết di chúc thừa kế tài sản cho con gái theo sự tự nguyện của bà. Qua xem xét, chúng tôi chuyển đơn của bà S1 về UBND xã giải quyết theo thẩm quyền. Đề nghị UBND xã Vân H giải quyết và cho chúng tôi biết kết quả. Chúng tôi đã báo cho đương sự S1 biết và chuyển đơn đến Ủy ban xã Vân H*". Trên cơ sở văn bản trên, UBND xã Vân H mới chứng thực di chúc cho cụ S1 vào ngày 20/1/1992. Lời khai của bà Y phù hợp với nội dung Văn bản số 01 ngày 03/4/1987 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Y có cơ sở xác định di chúc ngày 15/01/1987 của cụ S1 hợp pháp về hình thức, đã thể hiện đúng ý chí cụ S1 về việc để lại toàn bộ nhà đất tại thửa số 93, tờ bản đồ số 35 cho bà Nguyễn Thị D. Tuy nhiên, cụ S1 chỉ có quyền sử dụng hợp pháp đối với 110,74m^2 tại thửa đất số 93 tờ bản đồ số 35; việc cụ S1 để lại cho bà D toàn bộ thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 là định đoạt vượt quá phần quyền tài sản của cụ S1 để xác định di chúc của cụ S1 có hiệu lực đối với 110,74m^2 tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 và vô hiệu đối với phần vượt quá. Từ đó, xác định cụ S1 đã để lại 110,74m^2 tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 cho bà Nguyễn Thị D và không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cụ S1 theo pháp luật là có căn cứ.

[2.5] Đối với bản di chúc của cụ Trịnh Thị S1 lập ngày 31/3/1986 do ông L xuất trình: Bản di chúc này có trước bản di chúc ngày 15/01/1987. Theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Pháp lệnh Thừa kế năm 1990: *"Trong trường hợp người lập di chúc thay thế di chúc thì coi như không có di chúc trước"*. Do đó, không có cơ sở xem xét đối với bản di chúc ngày 31/3/1986.

[2.6] Đối với việc phân chia thừa kế bằng hiện vật tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 thấy:

Bà D được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ S1 phần tài sản thuộc quyền sử dụng của cụ S1 là 110,74m^2 đất và 01 kỷ phần thừa kế bà D được hưởng từ di sản của cụ T3 là 13,84m^2 đất đều thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang. Do đó, bà D có quyền sử dụng hợp pháp đối với 124,58m^2 tại thửa đất này.

Bà K, bà T, bà C, bà C1, bà T1, mỗi người được hưởng 01 kỷ phần di sản thừa kế của cụ T3 là 13,84m^2 đất. Quá trình giải quyết vụ án, bà T, bà C, bà C1

và bà T1 đều đề nghị gộp chung kỷ phần thừa kế của các bà bằng hiện vật; bà T và bà C đề nghị giao cho bà K đứng tên quản lý, sử dụng, còn bà C1 và bà T1 không đồng ý cho bà K hoặc bà D kỷ phần thừa kế mà các bà được hưởng. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ nhu cầu, điều kiện tách thửa và hiện trạng sử dụng thực tế tại thửa đất tranh chấp để giao cho bà K được sử dụng 41,5m^2 (tương đương với 3 kỷ phần thừa kế của cụ T3: kỷ phần của bà K, bà T và bà C) trên đó có ngôi nhà vợ chồng bà K xây dựng năm 1984; giao cho bà D phần diện tích đất 152,3m^2 còn lại (gồm diện tích 110,74m^2 được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ S1; 13,84m^2 được hưởng thừa kế của cụ T3 và 27,68m^2 là kỷ phần thừa kế của bà C1 và bà T1 được hưởng từ cụ T3); buộc bà K thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế của cụ T3 cho bà T, bà C mỗi người 96.880.000 đồng và bà D thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế của cụ T3 cho bà C1 và bà T1, mỗi người 96.880.000 đồng.

[2.7] Xét kháng cáo của các nguyên đơn là bà K, bà C, bà T và bà C1 đề nghị chia thừa kế bằng hiện vật chung cho các bà và giao cho bà K đại diện đứng tên quản lý, sử dụng để làm nơi thờ cúng thấy:

Căn cứ lời khai của các bên đương sự, sơ đồ đo đạc hiện trạng sử dụng thửa đất số 93 ngày 21/9/2022 thể hiện trên thửa đất tranh chấp có ngôi nhà cấp bốn do bà K và ông S xây dựng năm 1984 hiện do vợ chồng anh Trịnh Quang Đ và chị Lê Thị G (là con bà K) quản lý, sử dụng, còn lại là các công trình của bà D xây dựng, hiện bà D và các con của bà D đang quản lý, sử dụng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà D không đồng ý tháo dỡ công trình, vật kiến trúc khi phân chia thừa kế.

Xét thấy các nguyên đơn là bà K, bà C, bà T và bà C1 kháng cáo đề nghị được nhận chung kỷ phần thừa kế các bà được hưởng bằng hiện vật là hợp pháp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D và các con của bà D là anh Trần Quốc T2 và anh Trần Quốc D1 đồng ý giao cho các nguyên đơn được nhận thừa kế bằng hiện vật phần diện tích 13,76m^2 trên đất có 01 nhà cấp bốn loại 2 xây dựng năm 2001 trị giá 5.345.710 đồng ngoài diện tích 41,5m^2 đất Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho bà K.

Trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất thực tế và để đảm bảo công năng, giá trị sử dụng nhà và các công trình trên đất, đảm bảo ổn định việc sinh hoạt của các đương sự cũng như ghi nhận sự tự nguyện của mẹ con bà D, cần giao cho bà K, bà C, bà T và bà C1 được nhận thừa kế chung diện tích 55,2m^2 đất, trên diện tích đất này có căn nhà cấp 4 loại 2 của vợ chồng bà K xây dựng năm 1984, chỉ còn 10% giá trị sử dụng (có giá 10.202.010 đồng) và 01 nhà cấp 4 loại 2 của gia đình bà D xây dựng năm 2001 diện tích 13,76m^2, chỉ còn 15% giá trị sử dụng (có giá là 5.345.760 đồng) và giao cho bà K đại diện đứng tên, quản lý, sử dụng nhà và

diện tích đất trên. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu các nguyên đơn là bà K, bà C, bà T và bà C1 thanh toán giá trị căn nhà cấp bốn cho gia đình bà D. Giao cho bà D diện tích đất 138,6m^2 đất còn lại (gồm diện tích 110,74m^2 cụ S1 di chúc để lại; 13,84m^2 được hưởng thừa kế của cụ T3 và 14,02m^2 diện tích chênh lệch vượt quá phần đất bà D được nhận thừa kế theo di chúc và theo pháp luật), trên đó có các công trình, vật kiến trúc do bà D và các con của bà D xây dựng, sửa chữa và đang quản lý, sử dụng. Bà D phải thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế của cụ T3 cho bà T1 số tiền 96.880.000 đồng như quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm (do bà T1 không kháng cáo). Đối với phần diện tích chênh lệch kỷ phần thừa kế là 0,16m^2 đất có giá trị 1.120.000 đồng (Một triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng) so với kỷ phần thừa kế các nguyên đơn là bà K, bà T, bà C và bà C1 được nhận là 55,36m^2 thấy trên diện tích đất các nguyên đơn là bà K, bà T, bà C và bà C1 được chia có 01 nhà cấp 4 loại 2 của gia đình bà D xây dựng năm 2001. Bà D cũng không yêu cầu các nguyên đơn thanh toán giá trị căn nhà này (là 5.345.760 đồng) và do các bên đương sự là chị em ruột thịt, số tiền chênh lệch có giá trị không lớn (1.120.000 đồng) nên cần đối trừ cho bà D giá trị diện tích 0,16m^2 đất chênh lệch với giá trị căn nhà cấp 2 của gia đình bà D trên diện tích 13,76m^2 đất bà D tự nguyện giao thêm cho các đồng nguyên đơn tại cấp phúc thẩm, bà D không phải thanh toán số tiền này cho các nguyên đơn là bà K, bà T, bà C và bà C1 là phù hợp, có tình, có lý. Do đó, kháng cáo của các nguyên đơn là bà K, bà C, bà T và bà C1 đề nghị nhận thừa kế chung bằng hiện vật là có cơ sở chấp nhận.

[2.8] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BX 307738 ngày 31/12/2014 của UBND huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang cấp mang tên bà Nguyễn Thị D thấy:

Như phân tích ở phần trên thì thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang là tài sản chung của vợ chồng cụ T3, cụ S1. Việc Ủy ban nhân dân huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 diện tích 193,8m^2 cho bà Nguyễn Thị D khi không có văn bản, tài liệu thể hiện sự chuyển dịch quyền sử dụng đất (tặng cho, chuyển nhượng...) của vợ chồng cụ T3, cụ S1 hoặc các đồng thừa kế khác cho bà D là không đúng quy định của pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế khác. Mặc dù, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà D mà cho rằng căn cứ quyết định của bản án để đề nghị chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án có quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật xâm phạm quyền lợi của đương sự trong vụ án mà Tòa án đang giải quyết như đã phân tích nêu trên nên cần phải hủy giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất cấp cho bà D để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2.9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các nguyên đơn được chấp nhận và các nguyên đơn đều là người cao tuổi nên các bà Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Kim C1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ của Quốc hội.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bà Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Kim C1 về việc chia thừa kế gộp chung bằng hiện vật. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2022/DS-ST ngày 27-09-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang về phần chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Bá T3 bằng hiện vật và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp mang tên bà Nguyễn Thị D; giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim C1.

2. Xác định diện tích 193,8m^2 đất thuộc thửa số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang là tài sản chung của vợ chồng cụ Nguyễn Bá T3 và cụ Trịnh Thị S1.

3. Xác định quyền sử dụng 96,9m^2 đất tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 ở thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang, trị giá 678.300.000 đồng là di sản của cụ Nguyễn Bá T3. Cụ Trịnh Thị S1, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Kim C1, Nguyễn Thị D mỗi người được nhận một kỷ phần thừa kế của cụ Nguyễn Bá T3 là 13,84m^2 tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 ở thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang, trị giá 96.880.000 đồng.

4. Xác nhận cụ Trịnh Thị S1 tặng cho bà Nguyễn Thị D diện tích 110,74m^2 đất thuộc phần quyền tài sản của cụ S1 tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 theo Giấy sang tên đất và nhà ở ngày 15/01/1987.

5. Giao cho bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim C1 (do bà Nguyễn Thị K đại diện) được quyền quản lý sử dụng 55,2m^2 đất thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang, trị giá trị giá 386.400.000 đồng (Ba trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng), được giới hạn bởi các điểm 2-3-4-5-6-16-15-14-13-2 (theo sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm). Bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn

Thị C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim C1 (do bà Nguyễn Thị K đại diện) được sở hữu 01 ngôi nhà cấp 4 loại 2 xây dựng năm 1984 diện tích 39,39m^2 và 01 nhà cấp 4 loại 2 xây dựng năm 2001 diện tích 13,76m^2 trên diện tích đất được chia.

6. Giao cho bà Nguyễn Thị D được sử dụng đất diện tích 138,6m^2 của thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang, trị giá 970.200.000 đồng (Chín trăm bảy mươi triệu, hai trăm nghìn đồng), được giới hạn bởi các điểm 1-2-13-14-15-16-6-7-8-9-10-11-12-1 (theo sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm). Bà Nguyễn Thị D được sở hữu toàn bộ tài sản (công trình, vật kiến trúc…) trên 138,6m^2 đất nói trên, gồm 01 nhà cấp 4 diện tích 56,1 m^2, 01 sân lát gạch diện tích 69,6m^2, 01 nhà bếp diện tích 12,8m^2, 01 cổng sắt, 01 bán mái lợp proximăng…

7. Bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền là 96.880.000 đồng (Chín mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng).

8. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Kim C1 về việc chia di sản thừa kế là ngôi nhà 04 gian ở thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang.

9. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BX 307738 ngày 31/12/2014 của UBND huyện Việt Y cấp cho bà Nguyễn Thị D đối với toàn bộ diện tích 193,8m^2 tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Thổ H, xã Vân H, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang.

10. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

11. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

12. Về án phí: Bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim C1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người thi hành án không thi hành khoản tiền trên sẽ phải trả lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người bị thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Bắc Giang;*
- *VKSND tỉnh Bắc Giang;*
- *Cục THADS tỉnh Bắc Giang;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Hạnh

CÁC THẨM PHÁN

Nguyễn Hải Thanh

Nguyễn Xuân Điền

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phương Hạnh